

BỘ NỘI VỤ
TRUNG TÂM LAO ĐỘNG
NGOÀI NƯỚC

Số: 89 /TTLĐNN-TCLĐ
V/v thông báo danh sách người lao động
xuất cảnh đi làm việc tại Hàn Quốc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 04 tháng 02 năm 2026

Kính gửi: Sở Nội Vụ

Trung tâm Lao động ngoài nước trân trọng thông báo đến quý Sở danh sách người lao động xuất cảnh vào ngày 10/02/2026 (*danh sách kèm theo*). Để công tác tổ chức xuất cảnh được thực hiện đúng kế hoạch, tuân thủ các quy định, Trung tâm Lao động ngoài nước trân trọng đề nghị quý Sở phối hợp thông báo đến người lao động những nội dung như sau:

1. Kế hoạch tổ chức xuất cảnh:

1.1. Kế hoạch tổ chức xuất cảnh:

- Thời gian hướng dẫn thủ tục xuất cảnh: **07h30**

1.2 Địa điểm tập trung và khám sức khỏe

- **Địa điểm tập trung làm thủ tục xuất cảnh, khám sức khỏe và xét nghiệm: Khách sạn Khăn Quàng Đỏ** - số 94 ngõ 189 đường Hoàng Hoa Thám, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội.

Nội dung khám: Xét nghiệm Giang mai, chất gây nghiện, chẩn đoán thai sản (đối với nữ), chụp X-Quang tim phổi.

- Đối với nội dung chụp X-Quang tim phổi chỉ thực hiện đối với người lao động có thời gian kể từ khi khám sức khỏe tại khóa học định hướng đến ngày xuất cảnh : trên 03 tháng;

- Tiền khám sức khỏe: chụp X-Quang tim phổi: 65.000 đồng, xét nghiệm Giang mai: 60.000 đồng; xét nghiệm chất gây nghiện: 150.000 đồng, chẩn đoán thai sản: 30.000 đồng. Người lao động nộp tiền khám sức khỏe trực tiếp cho bệnh viện khám sức khỏe (cán bộ bệnh viện hướng dẫn thủ tục khám sức khỏe chi Tú, số điện thoại: 097.760.2525)

- Người lao động có nhu cầu đặt phòng ở liên hệ với Khách sạn Khăn Quàng Đỏ theo số điện thoại: 024.3723.6727 để được hỗ trợ.

2. Người lao động cần chuẩn bị khi đến tập trung xuất cảnh:

- **Mang theo các loại giấy tờ sau:**

+ 01 Giấy xác nhận ký quỹ; 01 bản Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc; 01 bản Hợp đồng ký quỹ.

+ 04 ảnh kích thước 3cmx4cm, bút bi, 01 điện thoại smart phone có sử dụng sim 3G hoặc 4G.

+ Giấy tờ mang theo để mở tài khoản ngân hàng tại Hàn Quốc: Căn cước công dân (bản gốc và 02 bản photocopy có chứng thực); 02 bản photocopy Hộ chiếu; 03 hợp đồng ký giữa doanh nghiệp Hàn Quốc với người lao động; **thông tin**

về mã số thuế cá nhân (người lao động có thể đăng ký mã số thuế cá nhân theo hình thức trực tuyến tại trang thông tin điện tử của Tổng cục thuế).

- Nộp cho Trung tâm Lao động ngoài nước (các khoản thu hộ) như sau:

+ Phí soi chiếu an ninh tại sân bay Nội Bài: 10,5 USD gồm 1,5 USD tiền phí dịch vụ soi chiếu an ninh tại sân bay Nội Bài và 9 USD tiền tăng phí dịch vụ hành khách tại sân bay quốc tế Nội Bài áp dụng từ ngày 01/01/2015 (quy đổi theo tỷ giá do hãng hàng không thông báo vào ngày lao động xuất cảnh);

+ Người lao động nộp bù hoặc được Trung tâm Lao động ngoài nước hoàn trả tiền chênh lệch vé máy bay theo tỷ giá giữa thời điểm nộp tiền và thời điểm xuất cảnh (nếu có).

+ Tham gia Quỹ hỗ trợ việc làm ngoài nước: 100.000 đồng

+ Chi phí tổ chức xuất cảnh: 90.000 đồng

- Nộp cho đơn vị cung cấp đồng phục xuất cảnh: trang phục (mùa đông): 295.000 đồng

Trung tâm thu tiền bằng hình thức chuyển khoản: người lao động nộp các khoản tiền xuất cảnh theo hướng dẫn tại link sau: : <https://zalo.me/g/vfrugb390>

Thời gian hoàn thành việc nộp tiền: trước 14h00 ngày 09 tháng 02 năm 2026

Lưu ý: Trường hợp người lao động đã nộp tiền nhưng không xuất cảnh vì các lý do khác nhau, đề nghị đến trụ sở Trung tâm Lao động ngoài nước – số 1 Trịnh Hoài Đức – Ô Chợ Dừa – Hà Nội để nhận lại các khoản tiền đã nộp (nếu có) trong ngày 11/02/2026.

- Các khoản tiền nộp tại Hàn Quốc: người lao động mang theo khoảng 500 USD để mua bảo hiểm rủi ro và bảo hiểm hồi hương;

3. Một số nội dung khác

- Người lao động được mang tối đa 23kg hành lý ký gửi và 10kg hành lý xách tay khi xuất cảnh; **tuyệt đối không được mang các loại lương thực và thực phẩm được làm từ thịt, thủy hải sản, các loại rau, củ, quả và các loại hàng hóa bị Hàn Quốc cấm mang theo khi nhập cảnh và không được vận chuyển theo quy định của các hãng hàng không.** Trung tâm Lao động ngoài nước sẽ kiểm tra hành lý của người lao động tại nơi tập trung xuất cảnh, nếu phát hiện mang các hàng hóa thuộc danh mục bị cấm nêu trên, sẽ tạm dừng xuất cảnh, xử lý theo quy định.

- Trang phục khi tập trung thực hiện thủ tục xuất cảnh: yêu cầu người lao động mặc quần dài tối màu, đi giày thể thao; áo và mũ đồng phục được phát tại điểm tập trung.

- Trước khi xuất cảnh, người lao động không nên tổ chức liên hoan, chia tay; không nên tham gia các hoạt động tập trung đông người do **thời gian gần đây, một số trường hợp người lao động liên hoan chia tay, bị tai nạn dẫn đến không đủ điều kiện xuất cảnh bị chủ sử dụng lao động hủy hợp đồng.**

- Để tránh trường hợp người lao động sau khi nhập cảnh Hàn Quốc, phải về nước vì lý do kết quả xét nghiệm dương tính với chất gây nghiện, **đề nghị quý Sở**



khuyến cáo người lao động trước thời gian xuất cảnh (khoảng 3-4 ngày) không sử dụng các loại thuốc có thành phần là Codein, Scopolamin, các hoạt chất có trong cây thuốc phiện, bao gồm các loại thuốc sau đây: thuốc ho, thuốc giảm đau, thuốc chống say tàu xe, thuốc đi ngoài, thuốc chống nôn.

- Sau khi nhập cảnh phải tuyệt đối tuân thủ các quy của cơ quan chức năng Hàn Quốc, trong trường hợp vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của Hàn Quốc và có thể bị yêu cầu về nước.

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp của quý Sở./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc TT (để b/c)
- Lãnh đạo TT;
- P.TCKT, P.ĐT, VP (để t/h);
- P.QL và HTLĐ (để nhắn tin);
- Lưu: VT, TCLĐ.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



★ Phạm Ngọc Lan



DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG XUẤT CẢNH NGÀY 10/02/2026
(Kèm theo Công văn số 99 /TTLĐNN-TCLĐ ngày 04/02/2026 của Trung tâm Lao động ngoài nước)

Stt	Thẻ tên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành	Số báo danh	Đăng ký dự tuyển	Ghi chú (Theo đơn vị tỉnh/tp trước ngày 01/7/2025)
1	MA-1	Nguyễn Thùy Trâm	26/10/2005	Nữ	SXCT	0082024C50333581	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh
2	MA-2	Phí Đình Trung	17/12/2002	Nam	SXCT	0082024C50300743	Hà Nội	Hà Nội
3	MA-3	Vũ Tiến Lực	28/08/2002	Nam	SXCT	0082024C50315391	Thanh Hóa	Thanh Hóa
4	MA-4	Đình Văn Hòa	12/06/1988	Nam	SXCT	0082024C50311901	Ninh Bình	Ninh Bình
5	MA-5	Hà Văn Tuấn	23/10/1990	Nam	SXCT	0082024C50321094	Thanh Hóa	Thanh Hóa
6	MA-6	Nguyễn Hồng Thái	03/11/2006	Nam	SXCT	0082025C50838056	Đồng Tháp	Tiền Giang
7	MA-7	Võ Thế Đạt	25/04/2006	Nam	SXCT	0082025C50835137	Gia Lai	Gia Lai
8	MA-8	Nguyễn Việt Đức	16/07/2004	Nam	SXCT	0082024C50345133	Thanh Hóa	Thanh Hóa
9	MA-9	Phạm Đức Thắng	18/01/2001	Nam	SXCT	0082024C50321650	Thanh Hóa	Thanh Hóa
10	MA-10	Phan Văn Nam	18/02/1998	Nam	SXCT	0082024C50325061	Nghệ An	Nghệ An
11	MA-11	Phùng Danh Thế	12/07/2002	Nam	SXCT	0082024C50300387	Hà Nội	Hà Nội
12	MA-12	Dương Viết Hoàng	04/12/1992	Nam	SXCT	0082024C50330628	Quảng Trị	Quảng Bình
13	MA-13	Nguyễn Văn Lộc	01/01/1992	Nam	SXCT	0082025C50835976	Lâm Đồng	Đắk Nông
14	MA-14	Trương Đình Hào	09/01/2001	Nam	SXCT	0082024C50345068	Thanh Hóa	Thanh Hóa
15	MA-15	Lê Văn Tình	28/02/2001	Nam	SXCT	0082024C50318358	Thanh Hóa	Thanh Hóa
16	MA-16	Nguyễn Hữu Hoài Nam	01/11/2000	Nam	SXCT	0082024C50301274	Hà Nội	Hà Nội
17	MA-17	Nguyễn Quán Khanh	27/10/2003	Nam	SXCT	0082024C50301046	Hà Nội	Hà Nội
18	MA-18	Nguyễn Thế Tú	10/03/2003	Nam	SXCT	0082024C50334308	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh

19	MA-19	Nguyễn Văn Ngọc	14/05/2003	Nam	SXCT	0082024C50306498	Phú Thọ	Phú Thọ
20	MA-20	Phạm Việt Anh	29/07/2003	Nam	SXCT	0082024C50307289	Bắc Ninh	Bắc Giang
21	MA-21	Phan Khánh Đạt	17/11/1996	Nam	SXCT	0082024C50331779	Quảng Trị	Quảng Trị
22	MA-22	Trần Thị Như Ngọc	06/08/1999	Nữ	SXCT	0082024C50338689	Vĩnh Long	Bến Tre
23	MA-23	Đặng Thu Hiền	09/11/2005	Nữ	SXCT	0082024C50306070	Phú Thọ	Phú Thọ
24	MA-24	Đinh Thuý Hiền	27/08/2004	Nữ	SXCT	0082024C50306523	Phú Thọ	Phú Thọ
25	MA-25	Đào Văn Minh	20/04/1999	Nam	SXCT	0082023C51034812	Thanh Hóa	Thanh Hóa
26	MA-26	Dương Văn Việt	15/01/2003	Nam	SXCT	0082023C51032317	Bắc Ninh	Bắc Giang
27	MA-27	Kiều Văn Tuấn	01/01/2000	Nam	SXCT	0082023C51034492	Thanh Hóa	Thanh Hóa
28	MA-28	Lê Công Hải	10/11/1997	Nam	SXCT	0082023C51034154	Thanh Hóa	Thanh Hóa
29	MA-29	Ngô Khánh Bằng	08/11/1995	Nam	SXCT	0082023C51032516	Bắc Ninh	Bắc Ninh
30	MA-30	Nguyễn Công Hoà	15/11/1996	Nam	SXCT	0082023C51036260	Nghệ An	Nghệ An
31	MA-31	Nguyễn Đình Cường	16/08/2001	Nam	SXCT	0082023C51036511	Nghệ An	Nghệ An
32	MA-32	Nguyễn Đình Toàn	09/02/2002	Nam	SXCT	0082023C51034092	Thanh Hóa	Thanh Hóa
33	MA-33	Nguyễn Đức Ngọc	10/12/1995	Nam	SXCT	0082023C51036569	Nghệ An	Nghệ An
34	MA-34	Nguyễn Văn Bình	18/08/2000	Nam	SXCT	0082023C51034793	Thanh Hóa	Thanh Hóa
35	MA-35	Nguyễn Văn Chi	02/01/2001	Nam	SXCT	0082023C51034298	Thanh Hóa	Thanh Hóa
36	MA-36	Phan Văn Thông	15/07/2001	Nam	SXCT	0082023C51036570	Nghệ An	Nghệ An
37	MA-37	Trần Đức Mạnh	13/01/2001	Nam	SXCT	0082023C51036530	Nghệ An	Nghệ An
38	MA-38	Trần Đức Phong	07/02/1997	Nam	SXCT	0082023C51036483	Nghệ An	Nghệ An
39	MA-39	Vũ Đức Thắng	11/03/1996	Nam	SXCT	0082023C51030981	Hưng Yên	Hưng Yên
40	MA-40	Vũ Hồng Tiền Đô	19/04/2000	Nam	SXCT	0082023C51033981	Thanh Hóa	Thanh Hóa

41	MA-41	Nguyễn Hải Nam	05/05/2005	Nam	SXCT	0082024C50340102	Hà Nội	Hà Nội
42	MA-42	Nguyễn Đình Hải	22/12/2005	Nam	SXCT	0082024C50300580	Hà Nội	Hà Nội
43	MA-43	Vũ Văn Anh	30/12/2005	Nam	SXCT	0082024C50308489	Bắc Ninh	Bắc Ninh
44	MA-44	Đinh Thị Thắm	21/12/1999	Nữ	SXCT	0082024C50313599	Phú Thọ	Phú Thọ
45	MA-45	Trần Thị Ngọc Ánh	02/12/1999	Nữ	SXCT	0082024C50316034	Thanh Hóa	Thanh Hóa
46	MA-46	Đỗ Hiền Dịu	17/03/2004	Nữ	SXCT	0082024C50303380	Hung Yên	Hung Yên
47	MA-47	Đỗ Thị Tuyết Nhung	31/01/2004	Nữ	SXCT	0082024C50303823	Ninh Bình	Hà Nam
48	MA-48	Vũ Duy Long	25/04/2005	Nam	SXCT	0082024C50321456	Thanh Hóa	Thanh Hóa
49	MA-49	Huỳnh Tiểu Long	06/05/2000	Nam	SXCT	0082025C50839093	Cần Thơ	Cần Thơ
50	MA-50	Cao Văn Hoàn	09/01/2005	Nam	SXCT	0082024C50325442	Nghệ An	Nghệ An
51	MA-51	Đỗ Thị Thanh	12/03/2001	Nữ	SXCT	0082024C50307942	Bắc Ninh	Bắc Giang
52	MA-52	Lê Minh Hiếu	11/11/2004	Nam	SXCT	0082024C50317601	Thanh Hóa	Thanh Hóa
53	MA-53	Ngô Văn Hải	28/08/1995	Nam	SXCT	0082024C50316542	Thanh Hóa	Thanh Hóa
54	MA-54	Nguyễn Thị Hồng Nhung	27/02/2003	Nữ	SXCT	0082024C50330650	Quảng Trị	Quảng Bình
55	MA-55	Trần Thị Thanh Hà	04/08/2005	Nữ	SXCT	0082024C50330873	Quảng Trị	Quảng Bình
56	MA-56	Đinh Văn Sơn	30/12/1992	Nam	SXCT	0082024C50305877	Phú Thọ	Phú Thọ
57	MA-57	Nguyễn Trung Kiên	28/11/1998	Nam	SXCT	0082024C50310801	Ninh Bình	Nam Định
58	MA-58	Nguyễn Thành Nam	15/12/2005	Nam	SXCT	0082024C50311611	Hung Yên	Thái Bình
59	MA-59	Lê Văn Đức	07/08/2001	Nam	SXCT	0082024C50319791	Thanh Hóa	Thanh Hóa
60	MA-60	Nguyễn Văn Long	14/01/2004	Nam	SXCT	0082024C50316615	Thanh Hóa	Thanh Hóa
61	MA-61	Trần Hoàng Quân	21/03/1995	Nam	SXCT	0082025C50839584	Cần Thơ	Sóc Trăng
62	MA-62	Hoàng Đình Huy	10/03/1990	Nam	SXCT	0082024C50318203	Thanh Hóa	Thanh Hóa

63	MA-63	Trần Thị Hồng Thắm	24/08/2000	Nữ	SXCT	0082025C50837895	An Giang	An Giang
64	MA-65	Kiều Văn Ba	27/11/2003	Nam	SXCT	0082024C50321344	Thanh Hóa	Thanh Hóa
65	MA-66	Đậu Sỹ Quang Khải	15/06/2006	Nam	SXCT	0082025C50826241	Nghệ An	Nghệ An
66	MA-67	Đặng Thị Kiều Diễm	05/01/2003	Nữ	SXCT	0082024C50305759	Phú Thọ	Phú Thọ
67	MA-68	Hà Thị Nhoài	26/05/2001	Nữ	SXCT	0082024C50305788	Phú Thọ	Phú Thọ
68	MA-69	Hoàng Đình Minh	19/05/2001	Nam	SXCT	0082024C50324138	Nghệ An	Nghệ An
69	MA-70	Phạm Quỳnh Sơn	01/07/2005	Nam	SXCT	0082024C50323769	Nghệ An	Nghệ An
70	MA-71	Lê Minh Chiến	01/02/2002	Nam	SXCT	0082024C50316471	Thanh Hóa	Thanh Hóa
71	MA-72	Nguyễn Thị Nhung	02/08/1993	Nữ	SXCT	0082024C50330692	Quảng Trị	Quảng Bình
72	MA-73	Điền Thị Thùy Linh	05/07/1996	Nữ	SXCT	0082024C50312947	Ninh Bình	Ninh Bình
73	MA-74	Đinh Thuỳ Linh	05/03/1996	Nữ	SXCT	0082024C50308524	Bắc Ninh	Bắc Ninh
74	MA-75	Dương Nhật Anh	07/09/1998	Nữ	SXCT	0082024C50310553	Ninh Bình	Nam Định
75	MA-76	Mai Thị Vân Anh	15/03/1997	Nữ	SXCT	0082024C50316657	Thanh Hóa	Thanh Hóa
76	MA-77	Đỗ Văn Huy	07/11/1995	Nam	SXCT	0082024C50310851	Ninh Bình	Nam Định
77	MA-78	Nguyễn Văn Thế	28/04/1993	Nam	SXCT	0082024C50314297	Thanh Hóa	Thanh Hóa
78	MA-79	Vũ Văn Linh	05/05/1994	Nam	SXCT	0082024C50317008	Thanh Hóa	Thanh Hóa
79	MA-80	Mai Thị Hồng Thuỷ	26/04/1998	Nữ	SXCT	90400217	Hà Nội	Thành phố Hà Nội
80	MA-81	Đoàn Nguyễn Mỹ Thuận	13/01/2005	Nữ	SXCT	0082024C50330994	Quảng Trị	Quảng Bình
81	MA-82	Nguyễn Khánh Huyền	24/05/2004	Nữ	SXCT	0082024C50330829	Quảng Trị	Quảng Bình
82	MA-83	Trần Thị Mỹ Phương	12/12/2001	Nữ	SXCT	0082024C50333294	Gia Lai	Bình Định
83	MA-84	Lê Văn Đức	04/05/1991	Nam	SXCT	0082024C50314452	Thanh Hóa	Thanh Hóa
84	MA-85	Cao Tiến Đức	07/02/1987	Nam	SXCT	0082024C50311222	Hung Yên	Thái Bình

2

85	MA-86	Lê Bá Thúc	03/11/1996	Nam	SXCT	0082024C50317364	Thanh Hóa	Thanh Hóa
86	MA-87	Nguyễn Thị Sương	15/02/1997	Nữ	SXCT	0082024C50331213	Quảng Trị	Quảng Trị
87	MA-88	NGUYỄN KHẮC HỆ	11/11/2001	Nam	SXCT	0082025C50823690	Nghệ An	Nghệ An
88	MA-89	Nguyễn Kim Hòa	27/04/2002	Nam	SXCT	0082025C50807405	Phú Thọ	Vĩnh Phúc
89	MA-90	Nguyễn Văn Du	01/06/2000	Nam	SXCT	0082025C50810780	Ninh Bình	Nam Định
90	MA-91	Nguyễn Văn Quyền	25/04/2002	Nam	SXCT	0082025C50824730	Nghệ An	Nghệ An
91	MA-92	Hoàng Văn Đại	05/01/2001	Nam	SXCT	0082024C50331782	Quảng Trị	Quảng Trị
92	MA-93	Cao Sỹ Thiên	02/03/2004	Nam	SXCT	0082024C50318438	Thanh Hóa	Thanh Hóa
93	MA-94	Phạm Văn Nam	26/06/2001	Nam	SXCT	0082025C50832713	Đà Nẵng	Quảng Nam
94	MA-95	Tô Đức Thành	21/04/2005	Nam	SXCT	0082024C50318313	Thanh Hóa	Thanh Hóa
95	MA-96	Đặng Anh Quân	28/12/2005	Nam	SXCT	0082024C50326679	Nghệ An	Nghệ An
96	MA-97	Nguyễn Đức Mạnh	22/12/2005	Nam	SXCT	0082024C50322482	Nghệ An	Nghệ An
97	MA-98	Phạm Văn Tiến	26/03/1987	Nam	SXCT	0082024C50301525	Hải Phòng	Hải Phòng
98	MA-99	Trần Đình Nghĩa	10/12/1989	Nam	SXCT	0082024C50333502	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh
99	MA-100	Phan Văn Trung	05/03/1993	Nam	SXCT	0082024C50300966	Hà Nội	Hà Nội
100	MA-101	Lưu Văn Linh	18/12/1988	Nam	SXCT	90400222	Lạng Sơn	Lạng sơn
101	MA-102	Phạm Văn Hợp	12/06/2001	Nam	SXCT	0082024C50316957	Thanh Hóa	Thanh Hóa
102	MA-103	Nguyễn Hữu Trường	27/05/2003	Nam	SXCT	0082025C50828077	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh
103	MA-104	Lê Nam Anh	24/01/1996	Nam	SXCT	0082024C50314571	Thanh Hóa	Thanh Hóa
104	MA-105	Lê Văn Minh	31/12/1997	Nam	SXCT	0082024C50315066	Thanh Hóa	Thanh Hóa
105	MA-106	Nguyễn Thị Thương	26/07/2005	Nữ	SXCT	0082024C50306201	Phú Thọ	Phú Thọ
106	MA-107	Quách Trọng Tín	04/01/2000	Nam	SXCT	0082025C50839818	Cà Mau	Cà Mau
107	MA-108	Vi Văn Hào	13/07/2003	Nam	SXCT	0082025C50805123	Lạng Sơn	Lạng Sơn

108	MA-109	Đỗ Quốc Huy	10/07/2000	Nam	SXCT	0082024C50300719	Hà Nội	Hà Nội
109	MA-110	Hồ Văn Mạnh	13/02/2000	Nam	SXCT	0082024C50325438	Nghệ An	Nghệ An
110	MA-111	Nguyễn Mạnh Tuấn	20/08/1994	Nam	SXCT	0082024C50331241	Quảng Trị	Quảng Trị
111	MA-112	Lê Thị Hồng Thắm	19/02/2001	Nữ	SXCT	0082024C50320368	Thanh Hóa	Thanh Hóa
112	MA-113	Nguyễn Quốc Việt	11/01/2005	Nam	SXCT	0082024C50316882	Thanh Hóa	Thanh Hóa
113	MA-114	Nguyễn Thị Ngọc Nhi	11/04/2005	Nữ	SXCT	0082024C50331981	Quảng Trị	Quảng Trị
114	MA-115	Trần Thị Thu Trang	03/12/2004	Nữ	SXCT	0082024C50331668	Quảng Trị	Quảng Trị
115	MA-116	Lê Văn Thái Sơn	25/12/2005	Nam	SXCT	0082024C50315563	Thanh Hóa	Thanh Hóa
116	MA-117	Nguyễn Phi Đức	15/02/2002	Nam	SXCT	0082024C50334215	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh
117	MA-118	Phạm Quang Khải	03/01/2000	Nam	SXCT	0082024C50311861	Ninh Bình	Ninh Bình
118	MA-119	Phan Hữu Quân	01/10/1995	Nam	SXCT	0082024C50325870	Nghệ An	Nghệ An
119	MA-120	Trần Tuấn Đạt	11/07/1995	Nam	SXCT	0082024C50303257	Hung Yên	Hung Yên
120	MA-121	Nguyễn Hải Châu	30/05/1995	Nam	SXCT	0082024C50331592	Quảng Trị	Quảng Trị
121	MA-122	Đoàn Văn Hoàng	10/02/2005	Nam	SXCT	0082024C50321071	Thanh Hóa	Thanh Hóa
122	MA-123	Vũ Văn Trường	15/10/2003	Nam	SXCT	0082024C50345460	Thanh Hóa	Thanh Hóa
123	MA-124	Phan Kiên Giang	07/12/1998	Nam	SXCT	0082024C50302072	Hải Phòng	Hải Dương
124	MA-125	Trương Hòa Bình	24/07/2005	Nam	SXCT	0082024C50321056	Thanh Hóa	Thanh Hóa
125	MA-126	Trương Văn Trọng	09/08/1998	Nam	SXCT	0082024C50320466	Thanh Hóa	Thanh Hóa
126	MA-127	Nguyễn Văn Linh	04/05/1985	Nam	SXCT	0082024C50330087	Quảng Trị	Quảng Bình
127	MA-128	Nguyễn Thị Như Quỳnh	02/12/2000	Nữ	SXCT	0082024C50330891	Quảng Trị	Quảng Bình
128	MA-129	Phạm Thị Tâm	20/07/1997	Nữ	SXCT	0082024C50330742	Quảng Trị	Quảng Bình
129	MA-130	Nguyễn Văn Duy	25/04/2002	Nam	SXCT	0082025C50819877	Thanh Hóa	Thanh Hóa
130	MA-131	Phạm Thị Thu Thảo	17/03/2001	Nữ	SXCT	0082025C50803602	Hung Yên	Hung Yên
131	MA-132	Phạm Văn Khương	09/10/2003	Nam	SXCT	0082025C50818587	Thanh Hóa	Thanh Hóa
132	MA-133	Trần Thị Huyền	20/04/2003	Nữ	SXCT	0082025C50812726	Ninh Bình	Ninh Bình
133	MA-134	Hoàng Văn Văn	04/08/1998	Nam	SXCT	0082023C51032477	Bắc Ninh	Bắc Giang

134	MA-135	Nguyễn Việt Tùng	27/09/2003	Nam	SXCT	0082023C51032322	Bắc Ninh	Bắc Giang
135	MA-136	Tổng Văn Ngọc	14/11/1991	Nam	SXCT	0082024C50310137	Ninh Bình	Nam Định
136	MA-137	Lê Trung Hiếu	21/05/2005	Nam	SXCT	0082024C50321470	Thanh Hóa	Thanh Hóa
137	MA-138	Nguyễn Văn Tú	21/10/2000	Nam	SXCT	0082025C50805783	Thái Nguyên	Thái Nguyên
138	MA-139	Trần Xuân Thịnh	08/11/2003	Nam	SXCT	0082025C50810848	Ninh Bình	Nam Định
139	MA-140	Hồ Sỹ Huy	21/10/2004	Nam	SXCT	0082024C50325361	Nghệ An	Nghệ An
140	MA-141	Nguyễn Đức Hiếu	27/04/2004	Nam	SXCT	0082024C50300734	Hà Nội	Hà Nội
141	MA-142	Nguyễn Mạnh Tường	05/02/1990	Nam	SXCT	0082024C50301037	Hà Nội	Hà Nội
142	MA-143	Hoàng Văn Thắng	21/02/1987	Nam	SXCT	0082023C51030008	Hà Nội	Hà Nội
143	MA-144	Lò Văn Thảo	22/10/1986	Nam	SXCT	0082023C51032881	Sơn La	Sơn La
144	MA-145	Nguyễn Văn Thắng	01/07/1986	Nam	SXCT	0082023C51036359	Nghệ An	Nghệ An
145	MA-146	Nguyễn Xuân Giang	01/04/1989	Nam	SXCT	0082023C51036748	Nghệ An	Nghệ An
146	MA-147	Nguyễn Công Tuấn Anh	06/07/2005	Nam	SXCT	0082024C50315360	Thanh Hóa	Thanh Hóa
147	MA-148	Trần Văn Hoàn	27/06/2004	Nam	SXCT	0082024C50314747	Thanh Hóa	Thanh Hóa
148	MA-149	Vũ Anh Tuấn	29/01/2004	Nam	SXCT	0082024C50316550	Thanh Hóa	Thanh Hóa
149	MA-150	Nguyễn Văn Tài	09/01/2002	Nam	SXCT	0082025C50831446	Quảng Trị	Quảng Trị
150	MA-151	Nguyễn Việt Dương	10/06/2003	Nam	SXCT	0082025C50835002	Quảng Ngãi	Kon Tum
151	MA-152	Lê Văn Tú	18/10/2004	Nam	SXCT	0082024C50340117	Hà Nội	Hà Nội
152	MA-153	Trịnh Đức Long Vũ	21/09/2005	Nam	SXCT	0082024C50320563	Thanh Hóa	Thanh Hóa
153	MA-154	Lê Hồng Sơn	07/09/1999	Nam	SXCT	0082025C50818539	Thanh Hóa	Thanh Hóa
154	MA-155	Nguyễn Văn Đức	06/02/2004	Nam	SXCT	0082024C50319382	Thanh Hóa	Thanh Hóa
155	MA-156	Hà Văn Thành	10/07/2000	Nam	SXCT	0082024C50333664	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh
156	MA-157	Lê Quang Cường	09/12/1994	Nam	SXCT	0082024C50314681	Thanh Hóa	Thanh Hóa
157	MA-158	Nguyễn Văn Đông	25/11/1994	Nam	SXCT	0082024C50325001	Nghệ An	Nghệ An
158	MA-159	Trương Văn Biên	05/01/1991	Nam	SXCT	0082024C50324949	Nghệ An	Nghệ An
159	MA-160	Nguyễn Đình Tuấn	24/04/1998	Nam	SXCT	0082024C50333920	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh

160	MA-161	Nguyễn Văn Diện	11/09/1999	Nam	SXCT	0082024C50303801	Ninh Bình	Hà Nam
161	MA-162	Đặng Đình Dương	20/03/1997	Nam	SXCT	0082024C50324388	Nghệ An	Nghệ An
162	MA-163	Phạm Văn Quân	25/11/2000	Nam	SXCT	0082024C50345153	Thanh Hóa	Thanh Hóa
163	MA-164	Trần Ngọc Hợp	11/12/1998	Nam	SXCT	0082024C50322489	Nghệ An	Nghệ An
164	MA-165	Trần Viết Bình	09/03/1998	Nam	SXCT	0082024C50314628	Thanh Hóa	Thanh Hóa
165	MA-166	Lê Văn Long	12/08/1993	Nam	SXCT	0082024C50315017	Thanh Hóa	Thanh Hóa
166	MA-167	Hà Thị Huỳnh Như	09/04/2000	Nữ	SXCT	0082025C50839170	Cần Thơ	Cần Thơ
167	MA-168	Nguyễn Thị Minh Anh	10/01/1999	Nữ	SXCT	0082024C50332955	Quảng Ngãi	Quảng Ngãi
168	MA-169	Phạm Thị Lam	08/01/2005	Nữ	SXCT	0082024C50323254	Nghệ An	Nghệ An
169	MA-170	Hoàng Thị Hiền	26/10/1997	Nữ	SXCT	0082024C50304807	Lạng Sơn	Lạng Sơn
170	MA-171	Mê Thị Hồng	12/02/2000	Nữ	SXCT	0082024C50304531	Lạng Sơn	Lạng Sơn
171	MA-172	Đào Danh Ý	02/09/2000	Nam	SXCT	0082024C50323971	Nghệ An	Nghệ An
172	MA-173	Phạm Hoài Nam	17/07/2005	Nam	SXCT	0082024C50317260	Thanh Hóa	Thanh Hóa
173	MA-174	Trịnh Đình Tiến	19/07/2000	Nam	SXCT	0082024C50315383	Thanh Hóa	Thanh Hóa
174	MA-175	Mai Hải Yến	17/11/2000	Nữ	SXCT	0082024C50311969	Ninh Bình	Ninh Bình
175	MA-176	Vũ Đình Đông	22/12/1992	Nam	SXCT	0082024C50319515	Thanh Hóa	Thanh Hóa
176	MA-177	Nguyễn Văn Hùng	30/07/1995	Nam	SXCT	0082024C50314723	Thanh Hóa	Thanh Hóa
177	FO-1	Cầm Trung Đức	03/01/2004	Nam	Lâm nghiệp	0082023C50533458	Thanh Hóa	Thanh Hóa
178	FO-2	Lương Văn Việt	20/12/2001	Nam	Lâm nghiệp	0082023C50533134	Thanh Hóa	Thanh Hóa
179	FO-3	Vy Văn Sơn	16/11/1998	Nam	Lâm nghiệp	0082024C50370276	Lạng Sơn	Lạng Sơn